

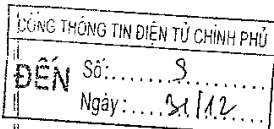
TR

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2612/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược sử dụng công nghệ sạch
giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Sử dụng công nghệ sạch trên cơ sở lựa chọn công nghệ phù hợp với hiện trạng công nghệ trong nước, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới; từng bước áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch vào các ngành công nghiệp để thúc đẩy đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Tập trung sử dụng công nghệ hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, phát thải thấp, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển và chuyển giao công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ, chuyển giao, sử dụng công nghệ sạch trong sản xuất kinh doanh và đời sống.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, tài nguyên, phát thải thấp trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm nhẹ biến đổi khí hậu và nâng cao đời sống cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn đến năm 2020:

- Tập trung xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch vào các cơ sở sản xuất công nghiệp, lựa chọn các ngành sử dụng nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường như dệt nhuộm; sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu; luyện thép; khai thác, chế biến khoáng sản; nhiệt điện; sản xuất giấy; sản xuất xi măng; sản xuất mía đường;

- Đến năm 2020, 100% dự án đầu tư mới thuộc các ngành trên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch; 60 - 70% cơ sở sản xuất đang hoạt động trong các ngành công nghiệp nêu trên hoàn thành việc xây dựng, thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch.

b) Giai đoạn đến năm 2030:

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch, từng bước thực hiện đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch trong toàn ngành công nghiệp;

- Đến năm 2030, 100% các cơ sở sản xuất trong toàn ngành công nghiệp phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch.

III. NHIỆM VỤ

1. Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch cho các cơ sở sản xuất trong các ngành công nghiệp trọng điểm sử dụng nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường:

a) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch cho các ngành công nghiệp trọng điểm sử dụng nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường;

b) Xây dựng danh mục công nghệ sạch khuyến khích đầu tư, danh mục công nghệ cấm đầu tư theo lộ trình;

c) Xây dựng lộ trình bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch cho các ngành công nghiệp trọng điểm sử dụng nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường.

2. Đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch:

a) Lồng ghép hoạt động đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch vào Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

b) Đưa các yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch vào các chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp;

c) Gắn nội dung sử dụng công nghệ sạch vào các chiến lược, chương trình quốc gia nhằm thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư mới theo hướng sử dụng công nghệ sạch trong các ngành công nghiệp;

d) Lồng ghép các nội dung nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ cao; ứng dụng công nghệ cao; xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ cao; xây dựng hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 vào hoạt động phát triển công nghệ sạch.

3. Nghiên cứu chuyên gia, ứng dụng, trình diễn công nghệ sạch cho các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm đối với các ngành công nghiệp trọng điểm như: Dệt nhuộm; sản xuất phân bón; sản xuất axit quỳ; luyện thép; khai thác, chế biến khoáng sản; nhiệt điện; sản xuất giấy; sản xuất xi măng, sản xuất mía đường, tiến tới áp dụng cho các nhóm ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng, có khả năng gây ô nhiễm khác như hóa chất, luyện kim, cơ khí, vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp khác:

a) Xây dựng và thực hiện chương trình nghiên cứu ứng dụng và chuyên gia công nghệ về sử dụng công nghệ sạch;

b) Nâng cao năng lực về công nghệ sạch cho các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu, đơn vị tư vấn, các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các nhà đầu tư và cộng đồng;

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường trao đổi đoàn chuyên gia để tận dụng và phát huy kinh nghiệm của các nước tiên tiến về công nghệ sạch; thu hút đầu tư, tranh thủ các chương trình hỗ trợ, các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế.

4. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về sử dụng công nghệ sạch, loại bỏ các công nghệ lạc hậu đối với các ngành sản xuất và chế biến được lựa chọn:

a) Xây dựng, áp dụng các quy định về áp dụng công nghệ sạch, loại bỏ các công nghệ lạc hậu;

b) Xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch cho các cơ sở sản xuất và chế biến.

5. Tuyên truyền, phổ biến về công nghệ sạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cơ chế, chính sách, pháp luật về công nghệ sạch.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về quản lý

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy sử dụng công nghệ sạch và loại bỏ công nghệ lạc hậu gây tiêu tốn tài nguyên và ô nhiễm môi trường;

b) Quản lý, kiểm soát hoạt động sản xuất, đầu tư phát triển, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường theo tiêu chí, lộ trình được phê duyệt trong các ngành công nghiệp;

c) Xây dựng, áp dụng danh mục và lộ trình sử dụng công nghệ sạch, công nghệ cấm đầu tư vào quy trình cấp phép đầu tư cho các dự án đầu tư mới, các dự án mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ;

d) Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, kiểm soát đầu tư sử dụng công nghệ sạch.

2. Giải pháp khoa học công nghệ

a) Xây dựng và thực hiện chương trình nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về sử dụng công nghệ sạch;

b) Xây dựng và thực hiện chương trình nghiên cứu xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch cho các ngành công nghiệp; lộ trình áp dụng công nghệ sạch và loại bỏ công nghệ lạc hậu cho các ngành công nghiệp;

c) Nâng cao năng lực tư vấn, chuyển giao ứng dụng, trình diễn công nghệ sạch cho các tổ chức tư vấn, nghiên cứu khoa học và công nghệ, các tập đoàn, tổng công ty công nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và các cơ quan quản lý các cấp.

3. Giải pháp hợp tác quốc tế: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường trao đổi đoàn chuyên gia để tận dụng và phát huy kinh nghiệm của các nước tiên tiến về công nghệ sạch; thu hút đầu tư, tranh thủ các chương trình hỗ trợ, các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế.

4. Giải pháp tài chính và đầu tư

a) Phê duyệt về nguyên tắc 03 dự án tại Phụ lục kèm theo Quyết định này nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược. Các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm xây dựng các dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí thực hiện các dự án được ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cho các hoạt động tư vấn chuyển giao, ứng dụng công nghệ sạch cho các cơ sở sản xuất;

c) Các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sạch được ưu tiên vay vốn từ ngân hàng và các Quỹ (Quỹ phát triển khoa học công nghệ, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia...) theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và tư nhân trong lĩnh vực công nghệ sạch;

đ) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí khác ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Giải pháp thị trường

a) Nhà nước hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao các kết quả nghiên cứu thành công về công nghệ sạch;

b) Các sản phẩm thuộc các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sạch được ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư quốc gia.

6. Giải pháp thông tin, truyền thông

a) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về công nghệ sạch, kinh nghiệm và chính sách về sử dụng công nghệ sạch trên các phương tiện truyền thông đại chúng và các kênh thông tin chuyên ngành;

b) Xây dựng trang thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu về công nghệ sạch và sử dụng công nghệ sạch tại Việt Nam.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

a) Trách nhiệm của Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Thành lập Ban điều hành do Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng ban để thực hiện Chiến lược với thành phần bao gồm đại diện của các Bộ, ngành liên quan. Giúp việc Ban điều hành là Văn phòng thường trực. Quy chế hoạt động của Ban điều hành và Văn phòng thường trực do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

b) Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn vốn chi đầu tư thực hiện các nội dung của Chiến lược trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan cân đối dự toán chi thường xuyên thực hiện các nội dung của Chiến lược trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của mình phối hợp với Bộ Công Thương để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan trong Chiến lược; đề xuất với Bộ Công Thương danh mục công nghệ sạch, danh mục công nghệ cần loại bỏ theo lĩnh vực, ngành quản lý; định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

Các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của mình phối hợp với Bộ Công Thương để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan trong Chiến lược tại địa bàn mình; định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

Các Tập đoàn, Tổng công ty sử dụng nhiều tài nguyên và năng lượng, có nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường chủ động xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới, nâng cấp công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch, phù hợp với nội dung của Chiến lược.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược được huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau: Vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và những nguồn vốn hợp pháp khác.

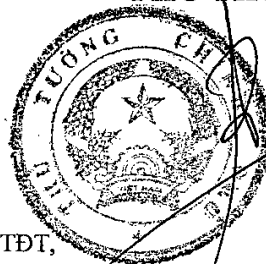
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTN, KTTH, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN 4.26

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải



Phụ lục

**CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
SỬ DỤNG KINH PHÍ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2612/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Dự án “Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, lộ trình áp dụng công nghệ sạch cho các ngành công nghiệp trọng điểm”

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2014 - 2020.

2. Dự án “Làm chủ công nghệ, hỗ trợ triển khai công nghệ sạch trong các ngành công nghiệp trọng điểm”

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2014 - 2020.

3. Dự án “Đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch”

- Cơ quan chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Thời gian thực hiện: 2014 - 2020.